

TÁC ĐỘNG CỦA NỖI SỢ BỎ LỖ ĐẾN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ: VAI TRÒ CỦA KIẾN THỨC TÀI CHÍNH VÀ THU NHẬP

Võ Phúc Trường Thành¹, Trần Thị Cường²

Tóm tắt

Nghiên cứu này phân tích tác động của nỗi sợ bỏ lỡ (FoMO) đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân, đồng thời xem xét vai trò điều tiết của kiến thức tài chính và thu nhập. Dựa trên nền tảng tài chính hành vi, nghiên cứu phân biệt giữa nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận nhằm làm rõ mức độ ảnh hưởng khác nhau đến quyết định đầu tư trong bối cảnh số hóa. Dữ liệu được thu thập từ 256 nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam và được phân tích bằng phương pháp mô hình phương trình cấu trúc bình phương nhỏ nhất (PLS-SEM). Kết quả cho thấy cả nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận đều có tác động tích cực và có ý nghĩa đến quyết định đầu tư, trong đó nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân có ảnh hưởng mạnh hơn. Kiến thức tài chính có tác động trực tiếp tích cực nhưng không điều tiết mối quan hệ giữa nỗi sợ bị bỏ lỡ và quyết định đầu tư. Ngược lại, thu nhập đóng vai trò điều tiết đáng kể bằng cách làm suy yếu tác động của nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận lên các quyết định đầu tư, trong khi tác động điều tiết lên nỗi sợ bỏ lỡ cá nhân và quyết định đầu tư lại không được chứng minh. Những phát hiện này đóng góp vào lĩnh vực nghiên cứu tài chính hành vi bằng cách làm nổi bật vai trò chủ đạo của các thành kiến cảm xúc và xã hội trong việc định hình hành vi đầu tư và cho thấy rằng giáo dục nhà đầu tư và các biện pháp can thiệp chính sách nên tích hợp kiến thức tài chính với các chiến lược quản lý ảnh hưởng cảm xúc và xã hội.

Từ khóa: Nỗi sợ bỏ lỡ (FoMO), quyết định đầu tư, kiến thức tài chính, thu nhập, nhà đầu tư cá nhân.

THE IMPACT OF FEAR OF MISSING OUT ON INVESTMENT DECISIONS:

THE ROLE OF FINANCIAL LITERACY AND INCOME

Abstract

This study examines the impact of Fear of Missing Out (FoMO) on investment decisions, with particular attention to the roles of financial literacy and income. Grounded in behavioral finance theory, the research distinguishes between personal FoMO and social FoMO to provide a more nuanced understanding of emotion-driven investment behavior in the digital era. Using survey data collected from 256 retail investors in Vietnam, the study employs Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM) to test both direct and moderating effects. The results reveal that both personal and social FoMO have significant positive influences on investment decisions, with personal FoMO exerting a stronger effect. Financial literacy is found to have a direct positive impact on investment decisions; however, it does not significantly moderate the relationship between FoMO and investment decisions. In contrast, income plays a significant moderating role by weakening the effect of social FoMO on investment decisions, while its moderating effect on personal FoMO is not supported. These findings contribute to the behavioral finance literature by highlighting the dominant role of emotional and social biases in shaping investment behavior and suggest that investor education and policy interventions should integrate financial knowledge with strategies for managing emotional and social influences.

Keywords: Fear of Missing Out (FoMO), investment decisions, financial literacy, income, individual investors.

JEL classification: G41, G51, G53, D91, D81.

DOI: 10.63767/TCKT.38.2026.114.123

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của các nền tảng giao dịch kỹ thuật số và ứng dụng môi giới chi phí thấp đã thúc đẩy mạnh mẽ sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân nhưng nó cũng làm gia tăng các quyết định đầu tư dựa trên cảm xúc hơn là phân tích hợp lý (Urbacz, 2025). Việc chia sẻ thông tin theo thời gian thực và sự hình thành các cộng đồng trực tuyến đã khiến ranh giới giữa đầu tư và đầu cơ trở nên mờ nhạt, tạo môi trường nơi cảm xúc và sự xác nhận xã hội lấn át tư duy phân tích.

Sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng giao dịch kỹ thuật số và ứng dụng môi giới chi phí thấp đã làm gia tăng mạnh mẽ sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân, đặc biệt tại các thị trường mới nổi. Tuy nhiên, song hành với sự mở rộng về quy mô là sự gia tăng của các quyết định đầu tư mang tính cảm xúc, trong đó nỗi sợ bỏ lỡ (Fear of Missing Out – FoMO) nổi lên như

một thiên kiến hành vi trung tâm, làm suy yếu vai trò của phân tích hợp lý trong quá trình ra quyết định đầu tư (Urbacz, 2025).

Trong môi trường số, mạng xã hội không chỉ đóng vai trò là kênh truyền tải thông tin mà còn trở thành không gian hình thành cảm xúc tập thể và xác nhận xã hội. Sự lan truyền nhanh chóng của nội dung đầu tư thông qua các người ảnh hưởng trên TikTok, YouTube và X đã làm mờ ranh giới giữa đầu tư và đầu cơ, thúc đẩy hành vi theo đám đông, từ đó làm gia tăng rủi ro bong bóng tài sản và biến động thị trường (Agarwal, 2025; Ramadhan và Sirait, 2025). Trong bối cảnh này, FoMO hoạt động như một động lực tâm lý chủ đạo, kích thích đầu tư bốc đồng, chấp nhận rủi ro quá mức và né tránh thua lỗ ngắn hạn, đặc biệt đối với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm (Hamamcı, 2025; Pujiastuti, 2025).

Mặc dù FoMO và ảnh hưởng của mạng xã hội đối với hành vi đầu tư đã được đề cập trong các nghiên cứu trước, phần lớn các công trình vẫn tiếp cận FoMO như một khái niệm đơn nhất, chưa phân biệt rõ giữa FoMO mang tính cá nhân (sợ bỏ lỡ lợi ích tài chính) và FoMO mang tính xã hội (sợ bỏ lỡ sự công nhận và vị thế xã hội). Điều này tạo ra khoảng trống nghiên cứu quan trọng trong việc hiểu rõ cơ chế tác động khác biệt của các dạng FoMO đối với quyết định đầu tư cá nhân trong bối cảnh số hóa và truyền thông xã hội ngày càng chi phối hành vi tài chính.

Bên cạnh đó, mặc dù một số nghiên cứu gợi ý rằng kiến thức tài chính và thu nhập có thể làm giảm tác động tiêu cực của FoMO, bằng chứng thực nghiệm về vai trò điều tiết của hai yếu tố này vẫn còn hạn chế và chưa nhất quán, đặc biệt tại các thị trường mới nổi, nơi nhà đầu tư cá nhân thường có trình độ tài chính không đồng đều và mức độ phụ thuộc cao vào thông tin từ mạng xã hội (Puspasari và cộng sự, 2024; Gowon, 2025; Wijayanti và cộng sự, 2025). Do đó, vẫn thiếu các nghiên cứu phân tích đồng thời FoMO, mạng xã hội, kiến thức tài chính và thu nhập trong cùng một mô hình lý thuyết.

Nghiên cứu này đặt ra các câu hỏi nghiên cứu sau:

RQ1. Liệu nỗi sợ bỏ lỡ, bao gồm các khía cạnh cá nhân và xã hội, có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư không?

RQ2. Liệu kiến thức tài chính có điều chỉnh mối quan hệ giữa FoMO và quyết định đầu tư không?

RQ3. Liệu thu nhập có làm thay đổi mối quan hệ giữa FoMO và quyết định đầu tư không?

Nghiên cứu này đóng góp một số điểm quan trọng cho lĩnh vực tài chính hành vi. Thứ nhất, nghiên cứu mở rộng các nghiên cứu hiện có bằng cách phân biệt giữa Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận, cung cấp cái nhìn tinh vi hơn về cách các loại Nỗi sợ bỏ lỡ khác nhau ảnh hưởng đến quyết định đầu tư. Thứ hai, nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về vai trò điều tiết của kiến thức tài chính và thu nhập, nhấn mạnh các tác động khác biệt của chúng đối với quyết định đầu tư bị chi phối bởi Nỗi sợ bỏ lỡ. Cuối cùng, các kết quả mang ý nghĩa thực tiễn cho giáo dục nhà đầu tư và thiết kế chính sách, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giải quyết cả kiến thức tài chính lẫn các thiên kiến cảm xúc trong môi trường đầu tư hiện đại.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

2.1. Quyết định đầu tư

Các yếu tố bên ngoài như chỉ số kinh tế, điều kiện thị trường và khả năng tiếp cận thông tin tài chính ảnh hưởng đến mức độ hấp dẫn cảm nhận của các khoản đầu tư, trong khi các yếu tố bên trong bao gồm kiến thức tài chính, khả năng chấp nhận rủi ro và trạng thái tâm lý của nhà đầu tư (Mekdessi và cộng sự, 2025). Quá trình ra quyết định thường kết hợp giữa các quy

tắc suy luận nhanh và lý trí có giới hạn, khiến nhà đầu tư đưa ra các quyết định “thỏa đáng” thay vì tối ưu do hạn chế về thông tin và năng lực nhận thức (Abdeldayem và Aldulaimi, 2025). Theo quan điểm lý trí, nhà đầu tư được giả định đánh giá rủi ro và lợi nhuận một cách khách quan nhằm tối đa hóa lợi ích kỳ vọng, là nền tảng của các lý thuyết tài chính cổ điển như Giả thuyết Thị trường Hiệu quả (EMH) và Lý thuyết Danh mục Đầu tư Hiện đại (MPT). Tuy nhiên, bằng chứng thực nghiệm cho thấy ngay cả các nhà đầu tư chuyên nghiệp cũng chịu ảnh hưởng bởi các thiên kiến như tự tin quá mức, sợ thua lỗ và thói neo, dẫn đến kết quả đầu tư không tối ưu (Khare và Kapoor, 2024; Katenova và cộng sự, 2025). Ngược lại, tài chính hành vi nhấn mạnh vai trò của các yếu tố tâm lý, cảm xúc và ảnh hưởng xã hội trong quyết định đầu tư. Các thiên kiến như hành vi theo đám đông, sợ hối tiếc và thiên kiến xác nhận được chứng minh là làm sai lệch đánh giá của nhà đầu tư, góp phần vào các hiện tượng bong bóng đầu cơ và bán tháo hoảng loạn (Tansuchat và Thaicharo, 2025).

Vậy nên, việc kết hợp các hiểu biết hành vi với công nghệ như AI và FinTech được cho là có thể cải thiện chất lượng quyết định đầu tư, đồng thời tính đến các giới hạn nhận thức của con người (Tisya, 2025; Chammaa và Haddad, 2025). Trong nghiên cứu này, quyết định đầu tư được hiểu là sự lựa chọn có chủ đích của nhà đầu tư tại một thời điểm cụ thể, bao gồm việc quyết định có đầu tư hay không, lựa chọn tài sản và mức độ rủi ro chấp nhận, dựa trên đánh giá chủ quan về lợi nhuận và rủi ro, đặc biệt phản ánh kết quả trực tiếp của quá trình nhận thức và đánh giá thông tin, chịu ảnh hưởng mạnh bởi các yếu tố tâm lý và xã hội.

2.2. Nỗi sợ bỏ lỡ

Các nghiên cứu mô tả nỗi sợ bỏ lỡ (FoMO) như một trạng thái nhận thức và cảm xúc thúc đẩy hành vi giao dịch bốc đồng và đầu cơ ngắn hạn, đặc biệt trong môi trường bị khuếch đại bởi mạng xã hội và nền tảng số (Jajoo và Baag, 2025; Agarwal, 2025). Sự bỏ lỡ lợi ích cá nhân vận hành thông qua sự kết hợp giữa cơ chế cảm xúc và sai lệch nhận thức, khi lo âu, cạnh tranh và bất an làm suy yếu tư duy lý tính, trong khi so sánh xã hội và kỳ vọng phần thưởng do dopamine điều khiển khiến nhà đầu tư đánh giá quá cao lợi nhuận tiềm năng và chấp nhận rủi ro lớn hơn (Laraga, 2025; Manchanda và Bajaj, 2025). Các thuật toán nội dung và hoạt động của influencer tiếp tục khuếch đại hiệu ứng này bằng cách lan truyền có chọn lọc các câu chuyện thành công, làm gia tăng áp lực tham gia thị trường và hành vi theo đám đông (Urbaz, 2025). Song song đó, Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận xuất phát chủ yếu từ nhu cầu được thuộc về và được công nhận về mặt xã hội, khiến nhà đầu tư bắt chước các xu hướng đầu tư phổ biến như một cách khẳng định bản sắc xã hội hơn là lựa chọn kinh tế thuần

túy (Agarwal, 2025). Việc liên tục tiếp xúc với thành công tài chính của bạn bè và influencer làm gia tăng so sánh xã hội, nhận thức sai lệch về cơ hội thị trường và áp lực tuân theo đám đông, qua đó làm suy yếu quá trình ra quyết định phân tích (Hamamci, 2025; Urbaez, 2025). Các bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam, Indonesia và các thị trường mới nổi cho thấy cả Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận đều ảnh hưởng đáng kể đến sở thích rủi ro và hành vi đầu tư ngắn hạn, biến Nỗi sợ bỏ lỡ từ một thiên kiến cá nhân thành lực tác động ở cấp độ thị trường, trong bối cảnh mạng xã hội vừa đóng vai trò nguồn thông tin vừa là tác nhân tâm lý kích thích hành vi tài chính (Nguyen và cộng sự, 2025; Sari và Takarini, 2025; Ravonjison, 2025).

Mặc dù các nghiên cứu trước nhất quán chỉ ra rằng nỗi sợ bỏ lỡ có ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định đầu tư — thông qua việc gia tăng xu hướng đầu cơ, hành vi theo đám đông và giảm tính lý trí — song các kết quả vẫn còn thiếu nhất quán về mức độ và cơ chế tác động. Đặc biệt, phần lớn nghiên cứu chưa phân biệt rõ hai dạng FoMO (lợi ích cá nhân và sự công nhận xã hội), chưa xem xét yếu tố văn hóa – thị trường mới nổi, và thiếu các mô hình định lượng kiểm định cơ chế trung gian. Những hạn chế này cho thấy cần có thêm nghiên cứu làm rõ cách thức và điều kiện mà FoMO ảnh hưởng đến quyết định đầu tư trong bối cảnh mạng xã hội tại Việt Nam.

Dựa trên bằng chứng lý thuyết và thực nghiệm, giả thuyết sau được đề xuất:

H1: Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư.

H2: Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư.

2.3. Kiến thức tài chính

Kiến thức tài chính bao gồm hiểu biết về quản lý rủi ro, đa dạng hóa đầu tư, lãi suất và lập ngân sách, giúp cá nhân đánh giá thị trường một cách phê phán và điều chỉnh quyết định tài chính phù hợp với mục tiêu dài hạn, đồng thời nâng cao khả năng kiểm soát cảm xúc và hạn chế các thiên kiến hành vi trong điều kiện không chắc chắn (Thamoung và Bora, 2025; Siregar và Asih, 2025). Các nhà đầu tư có kiến thức tài chính cao thường đưa ra quyết định dựa trên phân tích công cụ tài chính, động lực thị trường và mức chịu rủi ro cá nhân, có xu hướng đa dạng hóa danh mục, đánh giá lợi nhuận khách quan và sử dụng công nghệ tài chính một cách có trách nhiệm, trong khi những người thiếu kiến thức dễ bị cuốn theo hành vi đám đông và bong bóng đầu cơ (Muhammad và cộng sự, 2024; Fahruqi và Amelia, 2025). Tuy nhiên, bằng chứng gần đây cho thấy kiến thức tài chính không chỉ có tác động trực tiếp đến quyết định đầu tư mà còn đóng vai trò điều tiết quan trọng trong mối quan hệ giữa Nỗi sợ bỏ lỡ và hành vi đầu tư, khi nó hoạt động như một “bộ đệm tâm lý” làm suy yếu phản ứng cảm xúc trước các kích thích từ mạng xã hội,

influencer và xu hướng thị trường (Jajoo và Baag, 2025; Agarwal, 2025). Cụ thể, kiến thức tài chính giúp nhà đầu tư đặt các tín hiệu xã hội và câu chuyện thành công vào bối cảnh phân tích phù hợp, phân biệt giữa cơ hội đầu tư đáng tin cậy và nhiễu đầu cơ, từ đó giảm tác động của cả nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận đối với hành vi đầu tư bốc đồng (Laraga, 2025; Urbaez, 2025; Hamamci, 2025). Nhìn chung, kiến thức tài chính không chỉ thúc đẩy các quyết định đầu tư lý trí mà còn góp phần ổn định cảm xúc và tăng cường tư duy phản biện trong bối cảnh thị trường tài chính biến động (Uguy và cộng sự, 2025; Zieser và cộng sự, 2025), vậy nên, kiến thức tài chính đóng vai trò điều tiết mối quan hệ đó.

Như vậy, kiến thức tài chính không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng quyết định đầu tư thông qua khả năng nhận thức và phân tích rủi ro, mà còn đóng vai trò điều tiết quan trọng khi làm suy yếu tác động cảm xúc của nỗi sợ bỏ lỡ và các yếu tố xã hội – thu nhập. Đặc biệt, các bằng chứng tại thị trường mới nổi như Việt Nam vẫn còn hạn chế, mở ra nhu cầu nghiên cứu sâu hơn về vai trò của kiến thức tài chính trong bối cảnh nhà đầu tư chịu ảnh hưởng mạnh nỗi sợ bỏ lỡ trên khi bối cảnh sự phát triển xã hội.”

Dựa trên các bằng chứng lý thuyết và thực nghiệm trên, các giả thuyết sau được đề xuất:

H3a: Kiến thức tài chính có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư.

H3b: Kiến thức tài chính điều tiết mối quan hệ giữa nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và quyết định đầu tư.

H3c: Kiến thức tài chính điều tiết mối quan hệ giữa Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận và quyết định đầu tư.

2.4. Vai trò điều tiết của thu nhập

Nguyen và cộng sự (2025) cho thấy thu nhập có tác động đáng kể đến chiến lược đầu tư và nhận thức rủi ro, trong đó nhà đầu tư thu nhập thấp vừa có xu hướng thận trọng quá mức vừa dễ bị thúc đẩy bởi hành vi bốc đồng do kỳ vọng lợi nhuận nhanh. Sự khác biệt về thu nhập cũng ảnh hưởng đến cách nhà đầu tư diễn giải thông tin tài chính trên mạng xã hội: nhà đầu tư thu nhập cao thường xem đây là nguồn tham khảo hỗ trợ cho phân tích, trong khi nhà đầu tư thu nhập thấp dễ chịu căng thẳng cảm xúc và Nỗi sợ bỏ lỡ mạnh hơn khi tiếp xúc với các câu chuyện thành công lan truyền (Urbaez, 2025). Do đó, thu nhập đóng vai trò điều tiết quan trọng trong mối quan hệ giữa Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và sự công nhận và hành vi đầu tư. Cụ thể, cá nhân thu nhập thấp dễ bị nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân thúc đẩy tham gia các khoản đầu tư đầu cơ như tiền điện tử hoặc giao dịch ngắn hạn nhằm “bắt kịp” về tài chính, đặc biệt trong bối cảnh rào cản gia nhập thấp và hiệu ứng lan truyền trên mạng xã hội (Candra và cộng sự, 2025). Đồng thời, các nhóm thu nhập thấp và trung bình cũng chịu ảnh hưởng mạnh hơn từ Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận, khi thành công

tài chính được xem là biểu tượng của sự công nhận xã hội, trong khi nhà đầu tư thu nhập cao ít bị chi phối bởi áp lực xã hội và có xu hướng đưa ra quyết định thận trọng hơn (Pujiastuti, 2025).

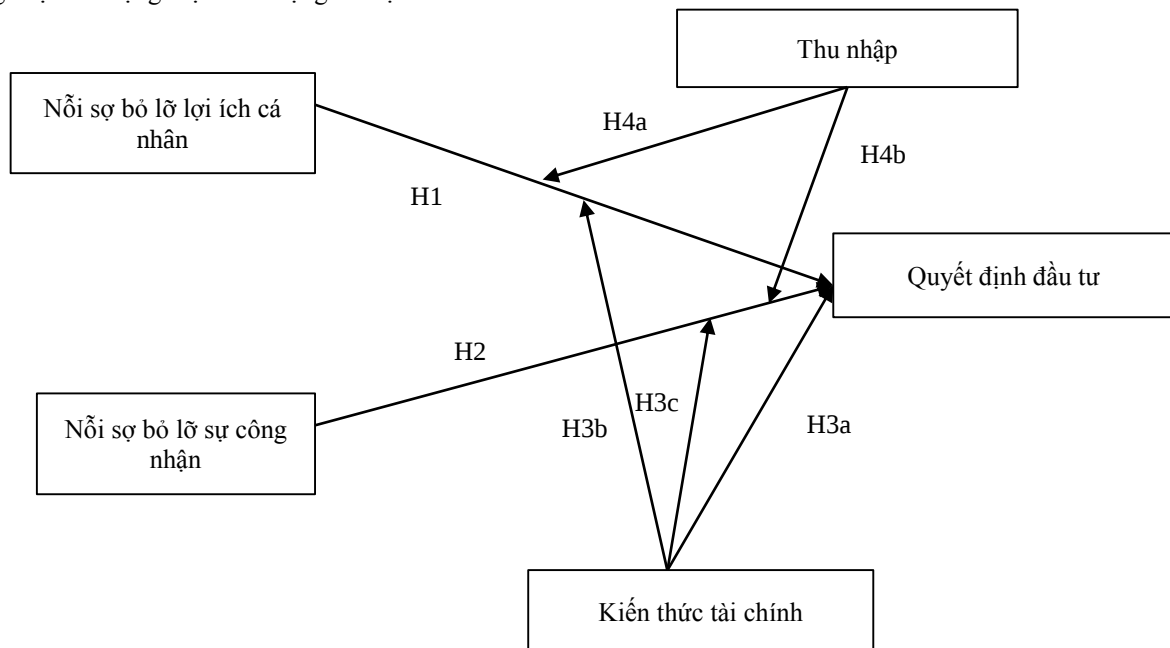
Mặc dù các nghiên cứu trước cho thấy thu nhập ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư và khả năng chịu rủi ro, song vẫn thiếu sự thống nhất trong việc xác định vai trò lý thuyết của biến này – đặc biệt với điều tiết. Đặc biệt, bằng chứng về cách thu nhập làm thay đổi cường độ ảnh hưởng của nỗi sợ bỏ lỡ (FoMO) đến hành vi đầu tư còn hạn chế, nhất là trong bối cảnh các nhà đầu tư cá nhân tại thị trường mới nổi như Việt Nam đang chịu tác động mạnh từ mạng xã hội và bất bình

đẳng thu nhập. Do đó, cần thiết tiến hành nghiên cứu kiểm định vai trò điều tiết của thu nhập trong mối quan hệ giữa hai dạng FoMO (lợi ích cá nhân và sự công nhận) và hành vi đầu tư, qua đó bổ sung bằng chứng thực nghiệm và hoàn thiện khung lý thuyết về hành vi tài chính trong môi trường số.

Dựa trên cơ sở lý thuyết và thực nghiệm, các giả thuyết sau được đề xuất:

H4a: Thu nhập điều tiết mối quan hệ giữa nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và quyết định đầu tư.

H4b: Thu nhập điều tiết mối quan hệ giữa Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận và quyết định đầu tư.



Hình 1. Mô hình đề xuất

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này được thiết kế theo hướng nghiên cứu định lượng, nhằm kiểm định các mối quan hệ giữa các biến tiềm ẩn trong mô hình nghiên cứu được đề xuất. Cách tiếp cận định lượng được lựa chọn vì cho phép thu thập dữ liệu dưới dạng số, từ đó áp dụng các kỹ thuật phân tích thống kê để kiểm định giả thuyết và đánh giá mức độ ảnh hưởng giữa các biến trong một mẫu nghiên cứu có quy mô đủ lớn. Thiết kế nghiên cứu mang tính giải thích, tập trung làm rõ vai trò của các biến độc lập đối với biến phụ thuộc, cũng như vai trò điều tiết của các biến điều tiết trong mô hình. Dữ liệu được thu thập tại một thời điểm duy nhất, do đó nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế cắt ngang, phù hợp với các nghiên cứu quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân.

3.2. Đối tượng và mẫu nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài báo là nhà đầu tư bán lẻ, tức các cá nhân tự đưa ra quyết định đầu tư bằng nguồn vốn cá nhân trên các thị trường tài chính.

Kích thước mẫu mục tiêu cho nghiên cứu chính thức là 256 quan sát hợp lệ. Quy mô mẫu này được xem là phù hợp cho phân tích PLS-SEM, dựa trên các hướng dẫn phương pháp luận phổ biến. Cụ thể, kích thước mẫu cần tối thiểu gấp 10 lần số mối quan hệ hướng vào biến phụ thuộc phức tạp nhất trong mô hình (Hair và cộng sự, 2021); đồng thời, các nghiên cứu gần đây khuyến nghị cỡ mẫu từ 140 trở lên là đủ để đảm bảo độ ổn định của ước lượng và sức mạnh thống kê khi sử dụng PLS-SEM (Kock & Hadaya, 2018). Do đó, mẫu 256 quan sát đáp ứng yêu cầu về mặt phương pháp cho việc kiểm định mô hình nghiên cứu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện kết hợp với lấy mẫu theo mạng lưới. Cụ thể, bảng hỏi được phát hành trực tuyến thông qua các cộng đồng nhà đầu tư trên mạng xã hội (như Facebook, Zalo) và các diễn đàn đầu tư trực tuyến. Sau khi hoàn thành khảo sát, người trả lời được khuyến khích chia sẻ bảng hỏi cho các nhà đầu tư khác trong mạng lưới cá nhân của họ. Cách tiếp cận này giúp mở rộng phạm vi tiếp cận mẫu trong bối cảnh không có danh sách tổng thể chính thức của nhà đầu tư

bán lẻ, đồng thời đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong thu thập dữ liệu.

Để đảm bảo chất lượng dữ liệu, nghiên cứu áp dụng tiêu chí sàng lọc, theo đó người tham gia phải có ít nhất sáu tháng kinh nghiệm đầu tư. Điều kiện này nhằm đảm bảo rằng người trả lời có đủ trải nghiệm thực tế để đưa ra các đánh giá và phản hồi có cơ sở đối với các biến nghiên cứu.

3.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập thông qua phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi có cấu trúc, với các câu hỏi được chuẩn hóa nhằm đo lường các biến tiềm ẩn trong mô hình nghiên cứu.

Bảng hỏi ban đầu được xây dựng bằng tiếng Anh, dựa trên các thang đo đã được kiểm định và sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu quốc tế liên quan đến hành vi tài chính, tâm lý nhà đầu tư và quyết định đầu tư. Sau đó, bảng hỏi được dịch sang tiếng Việt để phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Quy trình dịch ngược được áp dụng, trong đó một chuyên gia độc lập dịch lại bảng hỏi từ tiếng Việt sang tiếng Anh để đối chiếu và hiệu chỉnh, nhằm đảm bảo sự tương đương về mặt ngữ nghĩa và nội dung giữa hai phiên bản.

Các biến tiềm ẩn trong mô hình nghiên cứu bao gồm:

Biến độc lập: Nỗi sợ bỏ lỡ

Biến phụ thuộc: Quyết định đầu tư

Biến điều tiết: Kiến thức tài chính và thu nhập

Mỗi biến tiềm ẩn được đo lường bằng nhiều biến quan sát, sử dụng thang đo Likert 5 điểm (từ 1 – hoàn toàn không đồng ý đến 5 – hoàn toàn đồng ý). Nội dung đo lường, số lượng biến quan sát và nguồn gốc thang đo của từng biến được trình bày chi tiết trong phần mô tả thang đo và bảng tổng hợp biến nghiên cứu.

3.4. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu được phân tích bằng phương pháp Mô hình cấu trúc tuyến tính sử dụng Bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM) với phần mềm SmartPLS 4.0. Trước hết, mô hình đo lường được đánh giá thông qua các chỉ số độ tin cậy và giá trị hội tụ, bao gồm hệ số tải nhân tố, Cronbach's Alpha, ρ_A , độ tin cậy tổng hợp (CR) và phương sai trích (AVE). Tiếp theo, mô hình cấu trúc được kiểm định bằng kỹ thuật bootstrapping với 5.000 mẫu lặp nhằm đánh giá ý nghĩa thống kê của các hệ số đường dẫn, kiểm định các giả thuyết nghiên cứu và phân tích vai trò điều tiết của kiến thức tài chính và thu nhập đối với mối quan hệ giữa Nỗi sợ bỏ lỡ và quyết định đầu tư.

Bảng 1: Mô tả đối tượng nghiên cứu ($N = 256$)

Biến	Nhóm	Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	132	51,6
	Nữ	120	46,9
	Khác	4	1,5
Độ tuổi	Dưới 20	12	4,7
	20–29	104	40,6
	30–39	78	30,5
	40–49	42	16,4
	Từ 50 trở lên	20	7,8
Trình độ học vấn	Trung học phổ thông	36	14,1
	Cao đẳng/Đại học	168	65,6
	Sau đại học	44	17,2
	Khác	8	3,1
Nghề nghiệp	Sinh viên	48	18,8
	Nhân viên văn phòng	96	37,5
	Tự doanh	62	24,2
	Khu vực công	34	13,3
	Khác	16	6,2
Thu nhập hàng tháng	Dưới 10 triệu VNĐ	58	22,7
	10–20 triệu VNĐ	84	32,8
	20–30 triệu VNĐ	66	25,8
	Trên 30 triệu VNĐ	48	18,7
Kinh nghiệm đầu tư	Dưới 1 năm	44	17,2
	1–3 năm	92	35,9
	3–5 năm	70	27,3
	Trên 5 năm	50	19,6

Nguồn: Tác giả tổng hợp

4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 256 người tham gia, trong đó nam giới chiếm 51,6%, nữ giới chiếm 46,9% và các giới tính khác chiếm 1,5%. Về độ tuổi, nhóm từ 20–29 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (40,6%), tiếp theo là nhóm 30–39 tuổi (30,5%), cho thấy mẫu nghiên cứu chủ yếu thuộc nhóm tuổi lao động trẻ và trung niên. Trình độ học vấn của người tham gia tương đối cao, với 65,6% có trình độ cao đẳng/đại học và 17,2% sau đại học. Xét

về nghề nghiệp, nhân viên văn phòng chiếm tỷ lệ lớn nhất (37,5%), tiếp theo là nhóm tự doanh (24,2%) và sinh viên (18,8%). Về thu nhập hàng tháng, nhóm thu nhập từ 10–20 triệu VND chiếm tỷ lệ cao nhất (32,8%), tiếp theo là nhóm 20–30 triệu VND (25,8%). Cuối cùng, xét về kinh nghiệm đầu tư, phần lớn người tham gia có từ 1–3 năm kinh nghiệm (35,9%) và 3–5 năm kinh nghiệm (27,3%), cho thấy mẫu nghiên cứu có mức độ trải nghiệm đầu tư tương đối đa dạng.

Bảng 2: Kết quả đánh giá mô hình đo lường

Thang đo		Nguồn	Hệ số tải nhân tố (Loading)	Cronbach's Alpha	rho_A	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Phương sai trích (AVE)
FL1	Các báo cáo tài chính có thể cung cấp thông tin về hiệu quả hoạt động trong tương lai của doanh nghiệp	Wilamsari và cộng sự (2025)	0,890	0,873	0,977	0,907	0,711
FL2	Tôi biết cách quản lý tài chính cá nhân của mình		0,920				
FL3	Tôi hiểu rõ mục đích của việc đầu tư		0,741				
FL4	Tôi luôn dành một phần thu nhập của mình cho hoạt động đầu tư		0,810				
ID1	Tôi hài lòng với các quyết định đầu tư của mình trên thị trường vốn	Wilamsari và cộng sự (2025)	0,904	0,929	0,931	0,946	0,779
ID2	Các khoản đầu tư của tôi đạt được mức lợi nhuận như kỳ vọng		0,882				
ID3	Việc hiểu rõ hồ sơ rủi ro là yếu tố quan trọng trong các quyết định đầu tư		0,889				
ID4	Các khoản đầu tư có rủi ro cao thường mang lại lợi nhuận cao		0,868				
ID5	Đa dạng hóa danh mục đầu tư có thể giúp giảm rủi ro	Gerrans và cộng sự (2023)	0,870	0,910	0,912	0,933	0,735
PF1	Tôi cảm thấy lo lắng khi không được trải nghiệm các sự kiện/cơ hội		0,866				
PF2	Tôi tin rằng mình đang bị tụt lại phía sau so với người khác khi bỏ lỡ các sự kiện/cơ hội		0,865				
PF3	Tôi cảm thấy lo lắng vì biết rằng khi tôi bỏ lỡ các sự kiện/cơ hội thì chắc chắn đang có điều gì đó quan trọng hoặc thú vị diễn ra		0,856				
PF4	Tôi cảm thấy buồn khi không thể tham gia các sự kiện do bị ràng buộc bởi những việc khác		0,859				
PF5	Tôi cảm thấy hối tiếc khi bỏ lỡ các sự kiện/cơ hội		0,843				
SF1	Tôi nghĩ rằng các nhóm xã hội của tôi xem tôi là không quan trọng khi tôi bỏ lỡ các sự kiện/cơ hội	Gerrans và cộng sự (2023)	0,862	0,875	0,880	0,915	0,728
SF2	Tôi cảm thấy mình không hòa nhập được với các nhóm xã hội khi bỏ lỡ các sự kiện/cơ hội		0,870				
SF3	Tôi nghĩ rằng mình bị các nhóm xã hội loại trừ khi bỏ lỡ các sự kiện/cơ hội		0,871				
SF4	Tôi cảm thấy bị phớt lờ hoặc bị quên lãng bởi các nhóm xã hội khi bỏ lỡ các sự kiện/cơ hội		0,808				

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Kết quả đánh giá mô hình đo lường cho thấy tất cả các cấu trúc đều đạt độ tin cậy và giá trị hội tụ thỏa đáng. Cụ thể, các hệ số tải nhân tố của toàn bộ biến quan sát đều vượt ngưỡng 0,70, khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa biến quan sát và cấu trúc tiềm ẩn. Đồng thời, các giá trị Cronbach's Alpha, Độ tin cậy tổng hợp và rho_A của tất cả các cấu trúc đều lớn hơn 0,70, cho

thấy mức độ nhất quán nội bộ cao. Bên cạnh đó, giá trị phương sai trích AVE dao động từ 0,711 đến 1,000, vượt ngưỡng tối thiểu 0,50, xác nhận tính hội tụ của mô hình đo lường. Nhìn chung, các kết quả này khẳng định mô hình đo lường đạt độ tin cậy và phù hợp để tiếp tục phân tích mô hình cấu trúc.

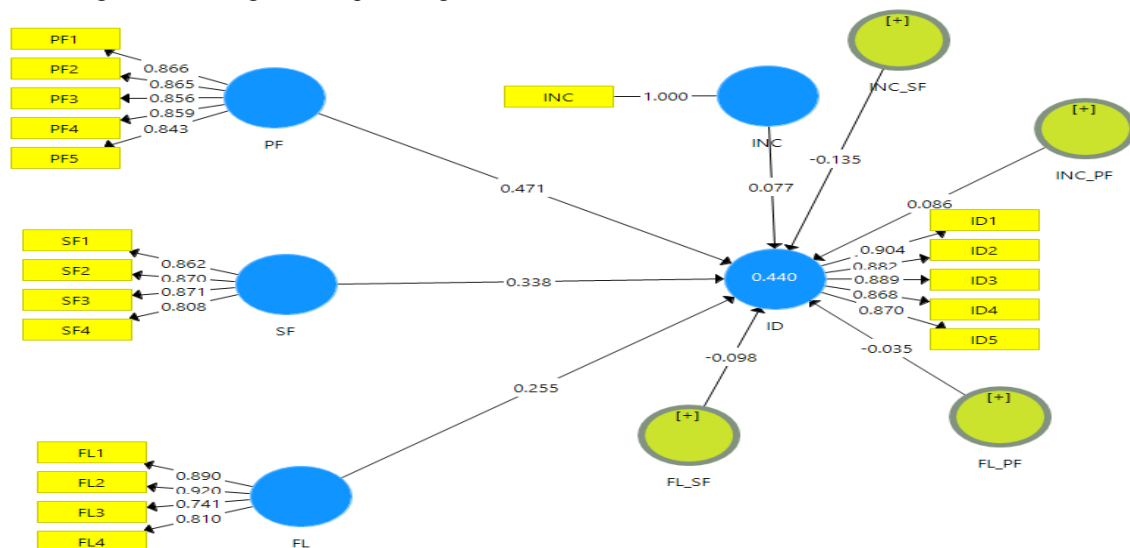
Bảng 3: Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

	Hệ số đường dẫn (β)	Sai số chuẩn	Thống kê T-test	P Values	Kết quả
H1: PF $\rightarrow$ ID	0.471	0.064	7.400	0.000	Chấp nhận
H2: SF $\rightarrow$ ID	0.338	0.057	5.953	0.000	Chấp nhận
H3a: FL $\rightarrow$ ID	0.255	0.080	3.177	0.002	Chấp nhận
H3b: FL_PF $\rightarrow$ ID	-0.035	0.062	0.571	0.568	Không được chấp nhận
H3c: FL_SF $\rightarrow$ ID	-0.098	0.062	1.584	0.114	Không được chấp nhận
H4a: INC_PF $\rightarrow$ ID	0.086	0.049	1.754	0.080	Không được chấp nhận
H4b: INC_SF $\rightarrow$ ID	-0.135	0.052	2.584	0.010	Chấp nhận

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Mô hình cấu trúc được kiểm định bằng phương pháp bootstrapping cho thấy H1 và H2 đều được hỗ trợ khi nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân ($\beta = 0,471$, $p < 0,001$) và Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận ($\beta = 0,338$, $p < 0,001$) có tác động tích cực và có ý nghĩa đến quyết định đầu tư. H3a cũng được hỗ trợ vì kiến thức tài chính ảnh hưởng trực tiếp tích cực đến quyết định đầu tư ($\beta = 0,255$, $p = 0,002$); tuy nhiên, H3b và H3c bị bác bỏ do kiến thức tài chính không điều tiết đáng kể mối quan hệ giữa nỗi

sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và quyết định đầu tư cũng như giữa Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận và quyết định đầu tư. Đối với thu nhập, H4a không được hỗ trợ khi tác động điều tiết giữa nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân và quyết định đầu tư không có ý nghĩa thống kê, trong khi H4b được chấp nhận vì thu nhập làm giảm đáng kể ảnh hưởng của Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận đến quyết định đầu tư ($\beta = -0,135$, $p = 0,010$).



Hình 2. Mô hình cấu trúc của nghiên cứu

5. Thảo luận kết quả

Phần này thảo luận về các kết quả thực nghiệm của nghiên cứu bằng cách nhóm các giả thuyết theo vai trò khái niệm của chúng. Nội dung thảo luận được tổ chức thành ba chủ đề chính: (1) tác động của nỗi sợ bỏ lỡ đối với quyết định đầu tư, (2) vai trò của kiến thức tài chính, và (3) vai trò điều tiết của thu nhập. Các kết quả sau đó được so sánh với các nghiên cứu trước đây, tiếp theo là những hàm ý đối với lý thuyết tài chính hành vi.

Thứ nhất, nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân (H1) và nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận (H2) đều có ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến quyết định đầu tư, trong đó Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân có tác động mạnh hơn, cho thấy áp lực tâm lý nội tại về việc bỏ lỡ cơ hội sinh lời đóng vai trò chủ đạo trong hành vi đầu tư. Phát hiện này phù hợp với các nghiên cứu trước khi xác định Nỗi sợ bỏ lỡ là động lực chính của hành vi đầu tư mang tính đầu cơ và bốc đồng, đặc biệt trong bối cảnh thị trường trực tuyến và lan

truyền thông tin nhanh (Agarwal, 2025; Hamamci, 2025; Jajoo và Baag, 2025; Urbaez, 2025). Phát hiện này gợi ý rằng quyết định đầu tư không chỉ được dẫn dắt bởi đánh giá hợp lý về rủi ro và lợi nhuận, mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ áp lực cảm xúc và tâm lý. Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân phản ánh phản ứng cảm xúc ở cấp độ cá nhân, nơi cảm giác cấp bách và sợ bỏ lỡ chi phối lý luận phân tích, khiến nhà đầu tư hành động một cách bốc đồng. Trong khi đó, Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận, mặc dù tác động hơi yếu hơn, cũng ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư, nhấn mạnh vai trò của ảnh hưởng từ bạn bè, so sánh xã hội và động lực cộng đồng trực tuyến. Những kết quả này củng cố quan điểm của tài chính hành vi, theo đó nhà đầu tư thường lệch khỏi quyết định hợp lý do các thiên kiến cảm xúc. Trong môi trường đầu tư kỹ thuật số, nơi thông tin thời gian thực và sự xác nhận xã hội phổ biến, Nỗi sợ bỏ lỡ trở thành yếu tố thúc đẩy hành vi mạnh mẽ.

Thứ hai, kiến thức tài chính có ảnh hưởng trực tiếp đáng kể đến quyết định đầu tư (H3a), khẳng định vai trò của nó như một năng lực nền tảng giúp nhà đầu tư đưa ra các lựa chọn có cơ sở, có cấu trúc và ít phụ thuộc vào trực giác. Tuy nhiên, H3b và H3c không được hỗ trợ, cho thấy kiến thức tài chính không điều tiết đáng kể mối quan hệ giữa Nỗi sợ bỏ lỡ (cả cá nhân và xã hội) và quyết định đầu tư. Phát hiện này gợi ý rằng dù kiến thức tài chính cải thiện chất lượng ra quyết định tổng thể, nó không đủ mạnh để triệt tiêu các áp lực cảm xúc do Nỗi sợ bỏ lỡ gây ra, đặc biệt trong môi trường thị trường biến động cao và chịu ảnh hưởng mạnh từ mạng xã hội. Điều này hàm ý rằng các thiên kiến cảm xúc như Nỗi sợ bỏ lỡ vận hành ở cấp độ cảm xúc, có thể lấn át kiến thức nhận thức ngay cả ở những nhà đầu tư hiểu biết. Kết quả này nhất quán với các nghiên cứu nhấn mạnh vai trò trực tiếp của kiến thức tài chính trong hành vi đầu tư hợp lý Muhammad và cộng sự, 2024; Thamoung & Bora, 2025), nhưng khác với một số nghiên cứu cho rằng kiến thức tài chính có khả năng làm suy yếu thiên kiến hành vi, có thể do tác động ngày càng lớn của nội dung số và thuật toán khuếch đại cảm xúc trong bối cảnh đầu tư hiện đại (Jajoo và Baag, 2025).

Thứ ba, thu nhập có tác động điều tiết một phần đối với mối quan hệ giữa Nỗi sợ bỏ lỡ và quyết định đầu tư. Cụ thể, thu nhập điều tiết đáng kể tác động của Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận (H4b), nhưng không điều tiết tác động của Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân (H4a). Những kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Pujiastuti (2025) và Candra và cộng sự (2025), cho thấy các nhà đầu tư có thu nhập thấp nhạy cảm hơn với sự so sánh xã hội và các xu hướng đầu tư trực tuyến. Việc thu nhập không điều tiết đáng kể Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân ủng hộ quan điểm của Urbaez (2025), theo đó nỗi sợ bỏ lỡ cơ hội nội tại vẫn mạnh mẽ bất kể năng

lực tài chính. Tác động điều tiết âm có ý nghĩa đối với Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận cho thấy những cá nhân có thu nhập cao ít bị áp lực đầu tư do yếu tố xã hội tác động. Các nhà đầu tư có thu nhập cao có thể sở hữu sự ổn định tài chính và khả năng chịu áp lực tâm lý tốt hơn, giảm nhu cầu tìm kiếm sự xác nhận xã hội thông qua thành công đầu tư. Ngược lại, Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân dường như được thúc đẩy bởi các quá trình tâm lý nội tại, ít chịu ảnh hưởng bởi mức thu nhập.

6. Đề xuất

Từ các kết quả nghiên cứu, bài báo đưa ra một số hàm ý chính sách quan trọng nhằm hỗ trợ điều chỉnh hành vi đầu tư và nâng cao hiệu quả ra quyết định đầu tư trong bối cảnh tài chính hành vi.

Đối với nhà đầu tư cá nhân, kết quả nghiên cứu cho thấy Nỗi sợ bỏ lỡ là một thiên kiến cảm xúc có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư, đặc biệt là Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân. Do đó, nhà đầu tư cần chủ động nhận diện và kiểm soát yếu tố cảm xúc trong quá trình ra quyết định, tránh các hành vi đầu tư mang tính bốc đồng do lo lắng bị bỏ lỡ cơ hội. Việc nâng cao kiến thức tài chính là cần thiết nhưng chưa đủ; nhà đầu tư cần kết hợp kiến thức với kỷ luật đầu tư, xây dựng tiêu chí ra quyết định rõ ràng, tuân thủ chiến lược dài hạn và thực hiện đa dạng hóa danh mục nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của cảm xúc.

Đối với các nhà quản lý thị trường và nhà hoạch định chính sách, kết quả nghiên cứu hàm ý rằng các chính sách nâng cao hiệu quả đầu tư không nên chỉ tập trung vào phổ cập kiến thức tài chính, mà cần mở rộng sang giáo dục tài chính hành vi, giúp nhà đầu tư hiểu và quản lý các thiên kiến cảm xúc phổ biến như Nỗi sợ bỏ lỡ. Bên cạnh đó, trong bối cảnh đầu tư trên nền tảng số ngày càng phổ biến, cơ quan quản lý cần tăng cường các cơ chế hỗ trợ hành vi, bao gồm minh bạch hóa thông tin, cảnh báo rủi ro, kiểm soát nội dung đầu tư mang tính kích thích cảm xúc và áp dụng các công cụ như “thời gian làm nguội” trước khi thực hiện giao dịch, nhằm hạn chế các quyết định đầu tư thiếu cân nhắc.

Nhìn chung, nghiên cứu cho thấy việc nâng cao hiệu quả quyết định đầu tư đòi hỏi một cách tiếp cận chính sách tích hợp, kết hợp giữa kiến thức tài chính, quản lý cảm xúc và môi trường thể chế hỗ trợ, qua đó góp phần thúc đẩy hành vi đầu tư hợp lý và bền vững trên thị trường tài chính.

7. Kết luận

Nghiên cứu này còn tồn tại một số hạn chế, bao gồm thiết kế cắt ngang làm hạn chế khả năng suy luận quan hệ nhân quả, việc sử dụng dữ liệu tự báo cáo có thể gây thiên lệch phản hồi và phạm vi mẫu tập trung vào nhà đầu tư cá nhân trên các nền tảng trực tuyến, qua đó giới hạn khả năng khái quát hóa kết quả; do đó, các nghiên cứu tương lai nên áp dụng thiết kế theo chiều dài thời gian hoặc thí nghiệm, kết hợp dữ liệu giao dịch khách quan, mở rộng sang các nhóm nhà đầu

tư và bối cảnh đa quốc gia, đồng thời tích hợp thêm các yếu tố tâm lý như sự tự tin thái quá, khả năng chấp nhận rủi ro hoặc trí tuệ cảm xúc để xây dựng mô hình hành vi toàn diện hơn. Ngoài ra, dữ liệu nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu chưa bao gồm thông tin về ngành nghề hoặc lĩnh vực/loại hình đầu tư chủ yếu của người tham gia, do đó việc phân tích và diễn giải các kết quả chỉ có thể thực hiện ở mức độ tổng quát cho nhà đầu tư cá nhân, và chưa cho phép so sánh sự khác biệt hành vi đầu tư theo từng bối cảnh cụ thể. Tổng kết lại, nghiên cứu này cung cấp bằng chứng rằng cả Nỗi sợ bỏ lỡ lợi

ích cá nhân và Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận đều ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư, trong đó Nỗi sợ bỏ lỡ lợi ích cá nhân có tác động mạnh hơn; kiến thức tài chính có ảnh hưởng trực tiếp tích cực nhưng không điều tiết tác động của Nỗi sợ bỏ lỡ, trong khi thu nhập làm giảm ảnh hưởng của Nỗi sợ bỏ lỡ sự công nhận, qua đó nhấn mạnh vai trò trung tâm của các yếu tố cảm xúc và xã hội trong hành vi đầu tư và hàm ý rằng các chương trình giáo dục nhà đầu tư cũng như chính sách can thiệp hiệu quả cần đồng thời chú trọng đến cả kiến thức tài chính và quản lý các thiên kiến hành vi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abdeldayem, Marwan, and Saeed Aldulaimi. "Innovative pathways in capital markets: the fusion of behavioural finance and Fintech for strategic investor decision-making." *International Journal of Organizational Analysis* (2025).
- Agarwal, J. (2025). FOMO in Finance: How Finfluencers Reshape Investment Decisions of Gen Z in India. Available at SSRN 5321821.
- Candra, R., Nugraha, N., Waspada, I., Purnamasari, I., & Ramdhany, M. A. (2025). Behavioral bias on investment decisions: Mediation of FOMO and risk perception and moderation of religiosity. *Scaffolding: Jurnal Pendidikan Islam dan Multikulturalisme*, 7(3), 622-642.
- Chammaa, C., & Haddad, L. (2025). Artificial intelligence and behavioural finance biases: improving Lebanese investors decision-making. *Journal of Decision Systems*, 34(1), 2537076.
- Fahruqi, M. N., & Amelia, W. (2025). Analysis of Financial Technology (Fintech) on Financial Literacy and Inclusion of Students in South Jakarta. *Majapahit Journal of Islamic Finance and Management*, 5(4), 3302-3315.
- Gerrans, P., Abisekaraj, S. B., & Liu, Z. F. (2023). The fear of missing out on cryptocurrency and stock investments: Direct and indirect effects of financial literacy and risk tolerance. *Journal of Financial Literacy and Wellbeing*, 1(1), 103-137.
- Gowon, M. (2025). The Influence of Financial Literacy, Fear of Missing Out (FoMO), and E-Wallet Use on Student Financial Behavior (A Case Study of Accounting Students from the 2021-2024 Cohort at Jambi University). *Greenation International Journal of Economics and Accounting*, 3(3), 389-397.
- Gunawan, Y. H., & Sangka, K. B. (2025). The Influence of financial literacy and digital literacy on crypto investment decisions with FOMO as a moderating variable. *International Journal of Economics and Management Research*, 4(2), 386-393.
- Hair Jr, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., Sarstedt, M., Danks, N. P., & Ray, S. (2021). *Partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM) using R: A workbook* (p. 197). Springer Nature.
- Hamamcı, H. N. (2025). Fear of missing out (FOMO) in financial markets: A bibliometric evaluation. *Gazi İktisat ve İşletme Dergisi*, 11(3), 214-230.
- Jajoo, K., & Kumar Baag, P. (2025). The Role of Fomo (Fear of Missing Out) in Making Financial Decisions.
- Katenova, M., Frolova, Y., & Schmunkamp, P. (2025). Behavioral Finance in the sphere of investment: Systematic Review of Literature between 2020 and 2025. *F1000Research*, 14, 949.
- Khare, T., & Kapoor, S. (2024). Behavioral biases and the rational decision-making process of financial professionals: significant factors that determine the future of the financial market. *Journal of Advances in Management Research*, 21(1), 44-65.
- Kock, N., & Hadaya, P. (2018). Minimum sample size estimation in PLS-SEM: The inverse square root and gamma-exponential methods. *Information systems journal*, 28(1), 227-261.
- Laraga, A. G. (2025). Understanding the "Fear of Missing Out" (FOMO) Phenomenon Among Retail Investors in the Indonesian Capital Market: A Literature Review. *Journal of Applied Accounting and Taxation*, 10(2), 310-319.
- Manchanda, M., & Bajaj, H. (2025). Fear of Missing Out: A Catalyst for Investment Choices. *South India Journal of Social Sciences*, 23(3), 15-18.
- Mekdessi, S., Saliba, G., Makdissi, E., & Makdissi, R. (2025). Financial literacy as a catalyst for rational investment behavior: Evidence among university students in a crisis-affected economy. *International Journal of Business and Management (IJBM)*, 4(2), 441-469.
- Muhammad Ichwan Musa, I., Annisa Paramaswary Aslam, N., Nurul Fadilah Aswar, U., Khaidir Syahrul, K., & Jalaluddin Mannagalli Parawansa, J. (2024). A financial playbook for making investment financial decisions. *Media Ekonomi dan Manajemen*, 39(Issue1), 115-131.

- Nguyen, X. H., Bui, D. A., Le, N. A., & Nguyen, Q. T. (2025). The Role of Fear of Missing out (FOMO), Loss Aversion, and Herd Behavior in Gold Investment Decisions: A Study in the Vietnamese Market. *International Journal of Financial Studies*, 13(3), 175.
- Pujiastuti, A. (2025). Love of Money, FOMO, and Investment: The Role of Social Media Influencers. *Inovbiz: Jurnal Inovasi Bisnis*, 13(1).
- Puspasari, O. R., Nurhandika, A., & Fitriani, C. (2024). Pengaruh Keberagaman Gender Dewan Direksi Dan Struktur Kepemilikan Terhadap Financial Distress. *Jurnal Riset Keuangan dan Akuntansi*, 10(2).
- Ramadhan, G. S., Sirait, A., Kusumawardhani, I., Murdianingrum, S. L., & Windiastuti, S. W. (2025). The Role of Social Media Influencers, FoMO, and Investment Knowledge in Encouraging Investment Interest Among Generation Z. *Journal Of Multiparadigm Accounting Research*, 3(1-April), 51-61.
- Ravonjison, F. M. (2025). The role of fear of missing out (fomo) as mediating factor between social engagement and influencer marketing on smartphone purchase decisions in Indonesia (Doctoral dissertation, UPN Veteran Jawa Timur).
- Sari, W. A., & Takarini, N. (2025). Analysis Of The Influence Of Social Media Influencers, Herding Bias, Information Quality On Student Investment Decisions UPN ‘Veteran’ East Java Mediated By Fear Of Missing Out (FOMO). *Jhss (journal of humanities and social studies)*, 9(2), 216-221.
- Siregar, Y. S., & Asih, R. A. (2025). Critical review of analysis of financial literacy policy integration in the curriculum: a bibliometric approach. *Jurnal Pendidikan Ilmu Sosial*, 35(1), 83-99.
- Stupariu, P., & Alcalde, I. (2025). Financial Education at an Early Age. *Banco de Espana Occasional Paper*, (2510).
- Tansuchat, P., & Thaicharo, Y. (2025). Cognitive biases and investment choices: Exploring the psychological determinants of financial decision-making in Thailand. *Journal of Business and Economic Options*, 8(1), 43-60.
- Thamoung, N. R., & Bora, J. (2025). Financial Literacy and Planning Among College Teachers in Arunachal Pradesh: Insights on Knowledge, Attitude and Behaviour. *Prajnan*, 54(1), 39-56.
- Tisya, V. A. (2025). Are Investors Beyond Rationality? Uncovering Behavioral Finance in Stock Investment Decision Making: A Comprehensive Systematic Literature Review. *Bisman (Bisnis dan Manajemen): The Journal of Business and Management*, 8(1), 54-72.
- Uguy, L. S., Kembauw, E., Nurfajrianti, M., & Masihuwey, R. (2025, December). Inflation as a Trigger for Changes in Financial Behaviour People Shift from Saving to Investing. In *Proceedings of the International Conference on Entrepreneurship (IConEnt)* (Vol. 5, pp. 665-672).
- Urbaz, L. (2025). The Role of FOMO in Generation Z’s Financial Decision Making: how Digital Marketing Strategies Influence Impulsive Spending and Risk Behavior.
- Wijayanti, A., Rapina, R., & Meythi, A. A. (2025). Financial literacy, fear of missing out, and financial management behavior.
- Wilamsari, F., Ana, S. R., & Musriati, T. (2025). Investor Behaviour Analysis: The Impact Financial Performance, FOMO and Financial Literacy on Generation Z Investment Decisions. *Assets: Jurnal Ilmiah Ilmu Akuntansi, Keuangan Dan Pajak*, 9(1), 8-14.
- Zieser, M., Lorenz, T., & Voith, V. (2025). Conducting representative surveys and impact assessments: an overview of survey methodology. *OeNB Financial Literacy Evaluation Series*, 241.

Thông tin tác giả:

1. Võ Phúc Trường Thành

- Đơn vị công tác: Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ
- Địa chỉ email: vptthanh@ctu.edu.vn

2. Trần Thị Cương

- Đơn vị công tác: Học viên cao học, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 29/12/2025

Ngày nhận bản sửa: 28/01/2026

Ngày duyệt đăng: 10/08/2026